

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG TA TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

ĐOÀN MINH DUỆ (*)

Trên cơ sở phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc: mục tiêu, vai trò, động lực, cơ sở xã hội, yêu cầu, hình thức thể hiện của đại đoàn kết dân tộc qua các thời kỳ cách mạng, bài viết làm rõ sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta đối với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh thông qua đổi mới nhận thức về sự thống nhất giữa các lợi ích như là cơ sở cho đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện mới. Qua đó, bài viết phân tích mục tiêu, yêu cầu, phương hướng và giải pháp củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp đổi mới của nước ta hiện nay.

Đoàn kết, gắn bó chặt chẽ nhằm phát huy sức mạnh của cộng đồng để chống thiên tai và ngoại xâm là truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Đến Hồ Chí Minh thì “Đại đoàn kết được xây dựng trên cả một lý luận chứ không còn đơn thuần là tình cảm tự nhiên của người trong một nước phải thương nhau cùng”(1); nghĩa là, trong tư duy lý luận của Hồ Chí Minh, tư tưởng đại đoàn kết được hình thành và phát triển trên một nền tảng lý luận khoa học và thực tiễn phong phú sâu sắc. Lý luận về đại đoàn kết dân tộc của Người thể hiện ở các quan điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, đại đoàn kết dân tộc là tư tưởng có ý nghĩa chiến lược cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được nhằm hình thành và phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân trong cuộc đấu tranh với kẻ thù của dân tộc, của nhân dân lao động. Chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn có thể điều chỉnh cho phù hợp với những đối tượng khác nhau, nhưng đại đoàn kết dân tộc luôn được Hồ Chí Minh coi là vấn đề

sống còn, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cách mạng. Với Người, đoàn kết là sức mạnh, là cội nguồn của thành công: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công*”(2).

Thứ hai, đại đoàn kết dân tộc là một mục tiêu, một nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Người cho rằng, “mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”(3). Nhiệm vụ của tuyên huấn trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được: “*Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập*”; còn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa: “*Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*”(4). Đại đoàn kết dân tộc không những là mục tiêu, mục đích và nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, mà còn là mục tiêu, mục

(*) Tiến sĩ, Trưởng Khoa Giáo dục chính trị, Đại học Vinh.

(1) *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, t.2. Viện Hồ Chí Minh xuất bản, 1993, tr.34.

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.10. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.607.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.183.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.11, tr.130.

đích, nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc. Như vậy, đại đoàn kết dân tộc là một đòi hỏi khách quan nhằm tập hợp quần chúng nhân dân thành một khối thống nhất trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng; đó là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh tập hợp, hướng dẫn quần chúng, đưa họ vào những tổ chức quần chúng rộng rãi, có sự thống nhất về ý chí và hành động để tạo nên sức mạnh trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Thứ ba, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân. “Dân” và “nhân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là tập hợp đông đảo quần chúng, vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Nói đến đại đoàn kết dân tộc, Người nhiều lần nêu rõ: Đảng thực hiện đoàn kết để đấu tranh cho dân tộc độc lập và thống nhất Tổ quốc, để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ⁽⁵⁾. Với tinh thần đó, Hồ Chí Minh dùng khái niệm *đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.*

Muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh cho rằng, “bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”⁽⁶⁾. Cơ sở để Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm đại đoàn kết rộng rãi như vậy chính là niềm tin của Người vào mỗi người dân Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn tin rằng, ai cũng có ít hay nhiều lòng yêu nước tiềm ẩn bên trong. Lý tưởng

độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, tất cả vì cuộc sống tự do, hạnh phúc của nhân dân là *mẫu số chung*, là điểm quy tụ mọi người vào khối đại đoàn kết dân tộc. Nhưng, muốn thực hiện đại đoàn kết dân tộc thì còn phải xác định rõ những lực lượng nào là nòng cốt, nền tảng của khối đại đoàn kết đó. Người chỉ rõ rằng, “đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là *nền gốc* của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác”⁽⁷⁾. Sau này, Hồ Chí Minh đã nhận rõ vai trò to lớn của đội ngũ trí thức và Người có một sự bổ sung quan trọng: coi liên minh công - nông - lao động trí óc (trí thức) là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân.

Thứ tư, Hồ Chí Minh cho rằng, đại đoàn kết là để tạo nên lực lượng cách mạng, xoá bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới; vì vậy, nó phải được biến thành lực lượng vật chất, sức mạnh vật chất có tổ chức, đó là mặt trận thống nhất. Quần chúng nhân dân chỉ trở thành một lực lượng thống nhất và có sức mạnh to lớn khi họ được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức thành một khối vững chắc và hoạt động theo đường lối chính trị đúng đắn.

Tuỳ theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của cách mạng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, quần chúng nhân dân được tập hợp vào các tổ chức mặt trận rộng rãi với những tên gọi phù hợp, như *Mặt trận dân chủ* (1936), *Mặt trận nhân dân phản đế*

(5) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr. 438.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr. 438.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr. 438.

(1939), *Mặt trận Việt minh* (1941)... và ngày nay là *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*. Tuy có nhiều tên gọi khác nhau như vậy, song về thực chất, các tổ chức đó chỉ là một. Đó là tổ chức chính trị rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái... phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân. *Mặt trận* có cương lĩnh, điều lệ phù hợp với từng thời kỳ và được tổ chức theo các nguyên tắc chặt chẽ: được xây dựng trên nền tảng liên minh công - nông - lao động trí óc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng; chủ trương đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, thực sự, chân thành và thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Hồ Chí Minh yêu cầu phải đoàn kết chặt chẽ với các tầng lớp nhân dân, với các đảng phái, với các dân tộc anh em, giữa đồng bào lương với đồng bào thuộc các tôn giáo để sống hoà thuận, ấm no, xây dựng Tổ quốc(8). Bên cạnh những điểm tương đồng, giữa các thành viên không tránh khỏi có những điểm khác nhau và cần phải bàn bạc để đi đến nhất trí. Muốn giải quyết vấn đề ấy, Người nhấn mạnh phương châm “cầu đồng tồn dị”, lấy cái chung để hạn chế cái riêng, cái khác biệt. Theo Hồ Chí Minh, “đoàn kết thật sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thật sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân”(9).

Hồ Chí Minh luôn khẳng định rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của mặt trận dân tộc thống nhất, đồng

thời là lực lượng lãnh đạo mặt trận. Tuy nhiên, “Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”(10).

Thứ năm, đại đoàn kết dân tộc *phải gắn liền với đoàn kết quốc tế*, chủ nghĩa yêu nước chân chính *phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng* của giai cấp công nhân. Trong những năm chuẩn bị thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng, “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”(11). Từ đó về sau, tư tưởng trên của Người ngày càng được phát triển đầy đủ hơn. Trên thực tế, Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng mối liên hệ mật thiết giữa cách mạng Việt Nam với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, với cách mạng vô sản ở nước Nga Xô viết và các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng như với phong trào đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ của nhân dân lao động trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc xây dựng khối đại đoàn kết Việt - Miên - Lào, định hướng cho việc hình thành mối đoàn kết quốc tế của ba nước Đông Dương, xây dựng phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống lại bọn thực dân, đế quốc xâm lược.

(8) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr. 605 - 606.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr. 137.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.3, tr. 139.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.2, tr. 267-268.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn 70 năm qua đã chứng minh ý nghĩa vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng cách mạng và nhân văn đó của Hồ Chí Minh trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó của Người đã thấm sâu vào trái tim và khối óc, lý trí và tình cảm của mọi người Việt Nam yêu nước; biến thành hành động cách mạng của hàng triệu con người, tạo nên sức mạnh vô địch trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng. Trong quá trình đổi mới tư duy, nhận thức của Đảng về đại đoàn kết dân tộc đã có những phát triển mới với tư tưởng bao trùm là “Lấy dân làm gốc”. Đại hội VI của Đảng đã nêu lên bốn bài học kinh nghiệm lớn, trong đó bài học thứ nhất là: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”(12). Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã ra Nghị quyết số 8B (ngày 27-3-1990) về đổi mới công tác quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, nhấn mạnh quan điểm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Với những nhận thức ngày càng rõ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó có tầng lớp trí thức, trong Cương lĩnh năm

1991, Đảng ta khẳng định rằng, liên minh công – nông – trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực vậy, trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ và kinh tế tri thức trở thành khuynh hướng phát triển chung của thế giới, vai trò của đội ngũ trí thức ngày càng quan trọng. Vì thế, việc lấy liên minh công – nông – trí thức làm nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện sự vận dụng và phát triển một cách sáng tạo tư tưởng của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong điều kiện mới.

Đại hội VIII của Đảng khẳng định những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Nhờ có sự hưởng ứng của nhân dân đối với đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu vượt qua bao khó khăn thử thách mà công cuộc đổi mới trong hai mươi năm qua của chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”(13). Như vậy, cùng với các động lực khác, đại đoàn kết dân tộc là động lực tổng

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.29.

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 23.

hợp, có ý nghĩa quyết định đảm bảo sự thắng lợi và bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục đường lối được xác định trong các Đại hội trước, tại Đại hội X, Đảng ta đã nhấn mạnh vấn đề *phát huy sức mạnh toàn dân tộc*, coi đó là một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội. Quan điểm phát huy sức mạnh toàn dân tộc được thông qua với những nội dung cơ bản sau: *thứ nhất*, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; *thứ hai*, đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng, được thực hiện bằng nhiều hình thức và biện pháp.

Trong quá trình đổi mới tư duy lý luận về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta coi động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Như vậy, yếu tố quan trọng đầu tiên, có ảnh hưởng quyết định đến sự vững chắc của khối đại đoàn kết dân tộc là đảm bảo công bằng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng của các tầng lớp nhân dân, trước hết là nhân dân lao động; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Cùng với việc giải quyết đúng đắn và hợp lý các quan hệ lợi ích, cần phải đẩy mạnh việc phát huy *chủ nghĩa yêu nước*, thực hiện *dân chủ*. Đây là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước

luôn là động lực lớn nhất của dân tộc trong lịch sử; vì thế, nó cần được khơi dậy và phát huy hơn nữa trong điều kiện mới. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Nhân dân ta rất coi trọng dân chủ. Muốn đoàn kết thì phải dân chủ, dân chủ là biện pháp tích cực để tăng cường đoàn kết.

Lợi ích, chủ nghĩa yêu nước và dân chủ là ba yếu tố có quan hệ gắn bó với nhau, đồng thời là cơ sở tạo nên điểm tương đồng để thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Trong điều kiện hiện nay, nhiệm vụ lớn nhất của chúng ta là tập hợp mọi lực lượng của cả dân tộc, kể cả những kiều bào ở nước ngoài, tham gia vào sự nghiệp xây dựng và phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể khẳng định rằng, mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”* mà Đảng ta đã xác định vừa là nguyện vọng chung, vừa là mong muốn tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam và do vậy, là *điểm tương đồng bao trùm nhất* của dân tộc Việt Nam, là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Tại Đại hội X, Đảng ta đã chỉ rõ điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài là mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Với tinh thần đó, Đảng ta chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung; xây dựng quan hệ hữu nghị và hợp tác trên

tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định và phát triển của đất nước về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội, hướng tới tương lai tươi sáng của dân tộc⁽¹⁴⁾. Đây thực sự là một quan điểm rất mới, thành quả của quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta: thay thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân” bằng thuật ngữ “đại đoàn kết toàn dân tộc” với nội hàm đầy đủ hơn, toàn diện hơn.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, là công việc của mỗi người dân. Để đạt được *sự đồng thuận xã hội*, đòi hỏi mọi thành viên trong xã hội phải tôn trọng và hành động theo những nguyên tắc và ý chí chung. Mỗi quyết định được thông qua phải là “mẫu số chung”, phản ánh và thể hiện nguyện vọng, lợi ích của mọi thành viên, của toàn xã hội. Sự đồng thuận nhằm đạt tới sự gắn kết xã hội, chống lại sự phân liệt xã hội. “Mẫu số chung” ấy trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, trong điều kiện đất nước đa dân tộc, đa tôn giáo... cũng là biểu hiện của điểm tương đồng. Do vậy, có thể quan niệm đồng thuận trong xã hội ta hiện nay là sự nhất trí trên những điểm tương đồng. *Về chính trị*, đó là sự đồng thuận vì mục tiêu chung: giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. *Về kinh tế*, đó là sự phát triển hài hoà các lợi ích vì sự phát triển chung của đất nước. *Về tinh thần, tư tưởng*, đó là chủ nghĩa yêu nước chân chính. *Về văn hoá*, đó là sự hướng tới những giá trị chân – thiện – mỹ, tôn trọng những giá trị văn hoá, đạo đức mang tính nhân văn...

Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, gồm Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trong đó vai trò hạt nhân lãnh đạo là tổ chức Đảng. Nhà nước đóng vai trò to lớn trong việc thực hiện đại đoàn kết không phải chỉ bằng việc thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, mà còn ở trách nhiệm tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật đó. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng khác có vai trò đại diện cho lợi ích chung của nhân dân cũng như của các nhóm quần chúng; là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Nói tóm lại, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của người Việt Nam nhằm xây dựng thành công xã hội mới với những đặc trưng cơ bản: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phương hướng và giải pháp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, như Đại hội X của Đảng đã chỉ rõ, là thực hiện đồng bộ các chính sách, pháp luật của nhà nước nhằm phát huy dân chủ và giữ vững kỷ cương trong xã hội; tổ chức động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hoá - xã hội, mỗi người, mỗi gia đình cố gắng phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng, đất nước; chăm lo và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội; tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, tôn giáo. □

(14) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 41.